

Bản án số: 114 /2018/DS-ST

Ngày: 24-7-2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Mỹ Dung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Phan Hữu Trí**

2/ Ông **Trần Đăng Khoa**

-Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Yên Phương** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Tố Anh** – Kiểm sát viên

Ngày **24** tháng **7** năm **2018** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2018/TLST- DS ngày 6 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2018/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị C**, sinh năm: 1974 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 32, ấp B, xã Bình H, huyện C, tỉnh A

Bị đơn: Bà **Phạm Thị Đ**, sinh năm: 1974 (có mặt)

Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm: 1968 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 4, ấp H, TT A, huyện C, tỉnh A

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 7/2/2018, biên bản hòa giải ngày 27/3/2018, biên bản đối chất ngày 21/6/2018 và lời khai tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trần Thị C trình bày:

Nguyên do chỗ quen biết vợ chồng ông S, bà Đ có hỏi vay mượn bà số tiền để làm vốn làm ăn, hình thức trả góp, đóng lãi hàng ngày, hàng tháng, có góp trả, có hỏi thêm

Đối với số tiền 5.000.000 đồng: Ngày 5/6/2016 al bà Đ vay của bà số tiền 5.000.000 đồng, có làm biên nhận, do bà Đ ghi, lãi góp mỗi ngày 100.000 đồng. Bà Đ góp được 10 ngày thì ngưng không góp trả nữa. Còn thiếu lại số tiền 4.000.000 đồng. Nay bà C yêu cầu trả số tiền 4.000.000 đồng.

Trước đây chỗ ông S và bà Đ có mượn tiền góp bà nhiều lần, ngày tháng năm nào và số tiền bao nhiêu bà không nhớ, do vay tiền nhiều lần, có vay rồi có trả, có thiếu lại. Đến ngày 6/8/2016 al thì giữa bà và ông S, bà Đ có ngồi lại tính toán tiền mượn, tiền góp còn thiếu lại tổng cộng số tiền là 33.540.000 đồng. Sau đó ông S và bà Đ có ký biên nhận ngày 6/8/2016 với bà và hứa trả tiền mỗi ngày là 100.000 đồng/ ngày bắt đầu góp từ 7/8/2016 đến ngày 10/5/2017 bà Đ và ông S góp không đầy đủ chỉ góp được 47 ngày bằng số tiền 4.700.000 đồng rồi ngưng không góp trả và cũng không trả vốn lại cho bà, nay bà đồng ý trừ số tiền 4.700.000 đồng tiền góp đã nhận. Còn lại số tiền 28.840.000 đồng. Bà yêu cầu ông S, bà Đ trả số tiền 28.840.000 đồng

Tổng cộng hai khoản tiền là 32.840.000 đồng. Nay bà Trần Thị C yêu cầu ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Đ phải trả số tiền 32.840.000đ (Ba mươi hai triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng) và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 7/2/2018 cho đến ngày xét xử.

Tại bản tự khai ngày 20/3/2018, biên bản hòa giải ngày 27/3/2018, biên bản đối chất ngày 21/6/2018 và trước phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Đ trình bày: Đối với số tiền 5.000.000 đồng, bà Phạm Thị Đ có hỏi mượn bà C số tiền 5.000.000 đồng, có làm biên nhận ngày 5/6/2016, mục đích vay là lấy tiền mua hàng thêm làm nước đá, việc vay tiền này ông S cũng có biết, có cùng bà Đ góp trả mỗi ngày 100.000 đồng/ ngày cho bà C, ông, bà đã góp trả trong 60 ngày là dứt nợ. Ông, bà đã trả xong số tiền này nhưng do chỗ quen biết ông bà không có lấy giấy tờ lại từ bà C.

Đối với số tiền 33.540.000 đồng là trước đây ông, bà có vay của bà C số tiền 20.000.000đồng khoảng tháng 2/2015 al vợ chồng, tiền lãi góp mỗi ngày 160.000đ/ ngày, đã trả lãi được 16 tháng. Tổng số ngày góp là 480 ngày x 160.000 đồng/ ngày bằng số tiền 76.800.000 đồng. Vợ chồng ông bà ngưng đóng lãi từ tháng 6/2016 al. Đến ngày 19/10/2016 al hai bên kết sổ lại thì bà C không trừ ra số tiền ông bà đã đóng lãi được số tiền là 76.800.000 đồng, bà C tính lãi những ngày ông bà ngưng đóng lãi cộng với số vốn 20.000.000 đồng thành tiền 33.540.000 đồng do nghĩ còn thiếu nợ nên vợ chồng ông S bà Đ mới làm biên nhận với bà C và ký vào biên nhận còn nợ lại là 33.540.000 đồng vào ngày 6/8/2016al. Sau đó xin bà C trả mỗi ngày là 50.000 đồng/ ngày, xin bỏ lãi. Vợ chồng bà đã trả được 3 tháng 11 ngày bằng số tiền 5.050.000 đồng. Sau đó như lời hứa là đúng ngày mùng 01 tết 2017 vợ chồng ông bà trả mỗi ngày là 100.000 đồng/ ngày. Vợ chồng ông bà trả được 280 ngày x 100.000 đồng/ ngày bằng số tiền 28.000.000 đồng. Vậy tổng cộng ông bà đã trả cho bà C số tiền 33.050.000 đồng, sau đó ông, bà có kêu bà C tính toán lại để trả là dứt nợ nhưng bà C nói số tiền vợ chồng ông bà trả là tiền lãi và khởi kiện ông bà ra tòa. Nay trước yêu cầu của bà C yêu cầu trả số tiền 32.840.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 7/2/2018 cho đến ngày xét xử, ông, bà không đồng ý trả số tiền trên và không đồng ý trả lãi theo yêu cầu vì ông, bà đã trả xong số nợ này.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng: **Về tố tụng:** Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan. **Về nội dung vụ án:** Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1]**Về nội dung tranh chấp:** Hợp đồng vay tài sản giữa bà Trần Thị C với ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Đ trên thực tế đã có phát sinh. Sự việc được chứng minh qua 2 tờ biên nhận nợ và lời khai của các bên đương sự. Đồng thời trước phiên tòa hôm nay các bên đương sự thừa nhận có vay nợ với nhau, nhưng không thống nhất về số tiền đã trả. Nguyên đơn bà Trần Thị C yêu cầu bà Phạm Thị Đ và ông Nguyễn Văn S phải trả số tiền 4.000.000 đồng và số tiền 28.840.000 đồng. Tổng cộng là 32.840.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 7/2/2018 cho đến ngày xét xử. Căn cứ để yêu cầu khởi kiện là tờ biên nhận do bà Đ và ông S ký nhận đề ngày 5/6/2016 và ngày 6/8/2016. Còn phía bị đơn ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Đ thừa nhận có hỏi vay tiền của bà C nhưng ông bà cho rằng đã trả nợ cho bà C xong cụ thể số tiền 5.000.000 đồng, ông, bà góp mỗi ngày 100.000 đồng, góp được 60 ngày thì dứt nợ. Còn số tiền 33.540.000 đồng là ban đầu vợ chồng ông bà chỉ vay với số tiền 20.000.000 đồng, góp mỗi ngày 160.000đ/ ngày, ông bà góp trả được 480 ngày được số tiền 76.000.000 đồng. Sau đó do không có tiền góp nên ngưng lại, bà C mới kết sổ lại cộng lãi những ngày ông bà không đóng cộng với vốn ra số tiền 33.540.000 đồng, ông bà mới ký vào biên nhận nợ và tiếp tục trả góp cho bà Cúc mỗi ngày là 50.000 đồng/ ngày, xin bỏ lãi. Vợ chồng bà đã trả được 3 tháng 11 ngày bằng số tiền 5.050.000 đồng. Sau đó vợ chồng ông bà trả được 280 ngày x 100.000 đồng/ ngày bằng số tiền 28.000.000 đồng. Vậy tổng cộng ông, bà đã trả cho bà C số tiền 33.050.000 đồng. Xét thấy tại 2 tờ biên nhận ngày 5/6/2016 và ngày 6/8/2016 ông S và bà Đ thừa nhận nội dung và chữ ký của mình, ông bà trình bày là đã trả xong số tiền cho bà C, tuy nhiên phần trình bày này không được bà C thừa nhận, cũng như trong suốt quá trình Tòa án thụ lý đến ngày xét xử ông S, bà Đ không đưa ra được bất cứ chứng cứ gì để chứng minh cho phần trình bày này. Do đó ông S, bà Đ phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được hoặc chứng minh không đầy đủ theo quy định tại điều 91 của BLTTDS. Xét về quan hệ trên phía bị đơn là người có lỗi, không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là nộp lãi và trả vốn khi đến hạn. Việc vi phạm này đã ít nhiều làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, việc bà C khởi kiện yêu cầu ông S,

bà Đ phải trả số tiền vốn 32.840.000 đ là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]**Về lãi suất:** Do ông S , bà Đ vi phạm nghĩa vụ nên bà C yêu cầu ông S, bà Đ phải trả lãi suất khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ là hoàn toàn chính đáng

- Thời gian tính lãi từ ngày 7/2/2018 đến ngày 24/7/2018 là 6 tháng
- + Vốn 32.840.000đ x lãi 0.75%/tháng x 6 tháng = 1.477.800 đồng
- + Vốn 32.840.000.000đ + lãi 1.477.800 đồng = 34.317.800 đồng

Như vậy, nghĩ nên xác lập mối quan hệ tranh chấp trên buộc ông S bà Đ phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà C số tiền 34.317.800 đ (Ba mươi bốn triệu ba trăm mười bảy ngàn tám trăm đồng) là hoàn toàn phù hợp.

[3].**Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị C được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.
- Ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, khoản 1 Điều 235, 244, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474, 476, 478 của Bộ luật Dân sự 2005; Điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị C

- Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Đ phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Trần Thị C số tiền **34.317.800đ** (Ba mươi bốn triệu ba trăm mười bảy ngàn tám trăm đồng.).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

-Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị C được nhận lại 963.000đ(Chín trăm sáu mươi ba ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003332 ngày 06 tháng 3 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Đ phải chịu 1.715.000đ (Một triệu bảy trăm mười lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

-Về kháng cáo: Bà Trần Thị C và ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/7/2018).

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Dung